

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 478/2024/DS-ST
Ngày: 25/7/2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Như

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Võ Thị Thanh Thu.
- Ông Phạm Văn Chính.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 371/2023/TLST – DS ngày 07/8/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2024/QĐXXST-DS ngày 11/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 192/2024/QĐST-DS ngày 02/7/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Á(A

Địa chỉ: Số D N, Phường E, Quận C, TP Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Văn Q(có mặt)

Địa chỉ: Lầu HTòa nhà AD C, Phường A, Quận C, TP Hồ Chí Minh(Giấy ủy quyền số 658/UQ-QLN.24 ngày 08/5/2024)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc L 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: ấp P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ liên hệ: Số A ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản làm việc, biên bản phiên họp tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP Á(A cấp tín dụng cho ông Nguyễn Quốc L1 cứ theo: Hợp đồng cấp tín dụng số GMY.CN.1525.260319 ngày 26/3/2019 (Số tài khoản vay:

280843759). Chi tiết như sau: Số tiền cho vay: 49.000.000 (Bốn mươi chín triệu)đồng; Mục đích cho vay: Tiêu dùng, không có tài sản bảo đảm, mua đồ dùng, trang thiết bị gia đình; Phương thức cho vay: Cho vay từng lần; Thời hạn cho vay: 36 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng. nhận tiền vay (từ ngày 27/3/2019 đến ngày 26/3/2022)

Phương thức giải ngân: Chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản thanh toán số 1648457 của ông **Nguyễn Q1 L1** tại Ngân hàng TMCP Á

Lãi suất trong hạn: 12,00%/năm (tính theo dư nợ ban đầu) 23,35%/năm (tính theo dư nợ thực tế); Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm kèm các khoản phí, phạt vi phạm được quy định cụ thể tại Điều 2 Hợp đồng cấp tín dụng số GMY.CN.1525.260319 ngày 26/3/2019 nói trên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, **Ngân hàng TMCP Á** giải ngân cho ông **Nguyễn Q1 L1** số tiền 49.000.000 (Bốn mươi chín triệu)đồng, quá trình trả nợ ông **Nguyễn Quốc L2** thanh toán cho **Ngân hàng TMCP Á** số tiền 26.154.802đồng (gồm nợ gốc là 19.055.554đồng, lãi trong hạn là 6.889.594đồng, lãi phạt chậm trả là 209.654đồng)

Từ ngày 19/6/2020 đến nay, ông **Nguyễn Q1 L1** vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thanh toán thêm khoản tiền nào. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, nên ngày 02/6/2021, **Ngân hàng TMCP Á** đã ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với hoàn bộ khoản nợ chưa thanh toán của ông **Nguyễn Quốc L3**

Tính đến ngày 10/11/2021, ông **Nguyễn Q1 L1** còn nợ **Ngân hàng TMCP Á** khoản sau: Vốn gốc: 29.944.446 đồng; Lãi trong hạn: 8.558.667 đồng; Lãi quá hạn: 1.872.087 đồng; Phạt chậm trả lãi: 577.260 đồng. Tổng cộng: 40.952.460đồng. Nên **Ngân hàng TMCP Á** kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông **Nguyễn Quốc L4** cho **Ngân hàng TMCP Á** dư nợ còn thiếu tính đến ngày 10/11/2021 là 40.952.460 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi triệu chín trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi đồng), trong đó: vốn gốc 29.944.446 đồng, lãi trong hạn 8.558.667 đồng, lãi quá hạn 1.872.087 đồng, phạt chậm trả lãi: 577.260 đồng.

2. Ông **Nguyễn Quốc L5** phải tiếp tục trả tiền lại, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng cấp tín dụng tính kể từ ngày 11/11/2021 đến ngày trả hết nợ. Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu: Buộc ông **Nguyễn Quốc L3** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TMCP Á** dư nợ còn thiếu tính đến ngày 25/7/2024 là 71.532.144đồng, trong đó: vốn gốc 29.944.446 đồng, lãi trong hạn 10.780.000 đồng, lãi quá hạn 24.481.677 đồng, phạt chậm trả lãi: 3.326.764 đồng, phí và các khoản phải trả khác là 2.999.257đồng. Đồng thời ông **Nguyễn Quốc L5** phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng cấp tín dụng số GMY.CN.1525.260319 ngày 26/3/2019 kể từ ngày 26/7/2024 đến ngày trả hết nợ. Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông **Nguyễn Quốc L6** chịu thêm khoản chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, tại phiên tòa Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vắng mặt, không có văn bản phản hồi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải và thời hạn xét xử, gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Á.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của nguyên đơn, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn là **Ngân hàng TMCP Á** đơn khởi kiện đối với ông **Nguyễn Quốc L3** liên quan đến Hợp đồng cấp tín dụng số GMY.CN.1525.260319 ngày 26/3/2019. Ông **Nguyễn Quốc L3** có địa chỉ liên hệ theo đơn khởi kiện là 1/9C ấp T, xã B, huyện H, TP Hồ Chí Minh và quan hệ tranh chấp này phát sinh từ tranh chấp hợp đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông **Nguyễn Quốc L3** đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Theo Hợp đồng cấp tín dụng số GMY.CN.1525.260319 ngày 26/3/2019 của Ngân hàng TMCP Á (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) thì đây là hợp đồng vay tín chấp không có tài sản bảo đảm. Khi ký kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện, chủ thể, hình thức, nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

[3.1]. Theo thỏa thuận trong Hợp đồng nêu trên thì **Ngân hàng TMCP Á** cho ông **Nguyễn Quốc L7** 49.000.000 (Bốn mươi chín triệu) đồng, mục đích tiêu dùng, thời hạn vay 36 tháng. Phương thức giải ngân: Chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài

khoản thanh toán số 1648457 của ông **Nguyễn Q1** L1 tại **Ngân hàng TMCP Á** trong hạn: 12,00%/năm (tính theo dư nợ ban đầu) 23,35%/năm (tính theo dư nợ thực tế); Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm kèm các khoản phí, phạt vi phạm được quy định cụ thể tại Điều 2 Hợp đồng nói trên.

[3.2]. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, **Ngân hàng TMCP Á** giải ngân cho ông **Nguyễn Quốc L3** số tiền 49.000.000 (Bốn mươi chín triệu) đồng, đồng thời ông L1 đã thanh toán cho **Ngân hàng TMCA** Á số tiền 26.154.802 đồng (nợ gốc là 19.055.554 đồng, lãi trong hạn là 6.889.594 đồng, lãi phạt chậm trả là 209.654 đồng). Tuy nhiên, từ ngày 19/6/2020 đến nay ông **Nguyễn Quốc L3** không thanh toán bất cứ khoản tiền gốc, lãi nào cho Ngân hàng.

[3.3]. Căn cứ theo thỏa thuận trong Hợp đồng, Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông **Nguyễn Quốc L2** không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng như thỏa thuận trong hợp đồng, cụ thể là vi phạm thỏa thuận tại Điều 4 Hợp đồng cấp tín dụng số GMY.CN.1525.260319 ngày 26/3/2019; vi phạm Điều 280 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, **Ngân hàng TMCA** Á chuyển khoản vay sang nợ quá hạn và yêu cầu ông **Nguyễn Quốc L3** có nghĩa vụ trả số nợ gốc còn lại là: 29.944.446 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4]. Xét yêu cầu về lãi suất: Về lãi suất đã được **Ngân hàng T** hiện theo đúng Hợp đồng, phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật về lãi suất. Cam kết của các bên trong hợp đồng về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất nên được xác định là hợp pháp, có hiệu lực thi hành đối với các bên. Tính đến ngày 25/7/2024, ông **Nguyễn Quốc L3** còn nợ lãi trong hạn 10.780.000 đồng, lãi quá hạn 24.481.677 đồng, phạt chậm trả lãi: 3.326.764 đồng, phí và các khoản phải trả khác là 2.999.257 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5]. Ông **Nguyễn Quốc L3** mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do và không có bất cứ ý kiến nào phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, điều này cho thấy ông **Nguyễn Quốc L2** từ bỏ quyền phản đối của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nên phải tự chịu hậu quả của việc không chứng minh theo khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ trên yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét, giải quyết vụ án.

[6]. Quá trình giải quyết vụ án, **Công an xã Đ**, tỉnh Quảng Ngãi xác định ông **Nguyễn Q1** L1 có địa chỉ thường trú tại ấp P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi nhưng vắng mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì đồng thời **Công an xã B**, **TP H** xác định ông **Nguyễn Q1** L1 không cư trú tại **số A ấp T, xã B, huyện H, TP H** không tìm được địa chỉ cư trú của đương sự và việc niêm yết công khai không bảo đảm cho người được cấp, tổng đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tổng đạt, thông báo nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh yêu cầu nguyên đơn thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Đã phát sóng phát thanh theo thỏa thuận với nguyên đơn trên sóng AM tần số 657KHz, khung giờ từ 06 giờ 30 phút đến 07 giờ và từ 14 giờ 30 phút đến 15 giờ từ ngày 06 đến ngày 08 tháng 5 năm 2024 và đăng trên B số 151 ngày 30/5/2024; số 152 ngày

31/5/2024; số 153 ngày 01/6/2024.

[7]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Á** ông **Nguyễn Quốc L8** nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TMCA** Á tổng số tiền là 71.532.144 đồng, trong đó: vốn gốc 29.944.446 đồng, lãi trong hạn 10.780.000 đồng, lãi quá hạn 24.481.677 đồng, phạt chậm trả lãi: 3.326.764 đồng, phí và các khoản phải trả khác là 2.999.257 đồng. Đồng thời ông **Nguyễn Quốc L5** phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng cấp tín dụng số GMY.CN.1525.260319 ngày 26/3/2019 kể từ ngày 26/7/2024 đến ngày trả hết nợ.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

[8.1]. Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu là: 71.532.144 đồng x 5% = 3.576.607 đồng.

[8.2]. Hoàn trả cho nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Á** số tiền tạm ứng án phí đã nộp khi khởi kiện.

[8.3]. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng là 5.067.600 đồng do bị đơn ông **Nguyễn Quốc L9**. Nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng là 5.067.600 đồng, Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả lại cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

[9]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[10]. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng N;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 7a, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Á đối với ông **Nguyễn Quốc L3**.

Buộc ông **Nguyễn Quốc L8** nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TMCA** Á số tiền nợ của Hợp đồng cấp tín dụng số GMY.CN.1525.260319 ngày 26/3/2019 tính đến ngày 25/7/2024 là 71.532.144 (Bảy mươi một triệu, năm trăm ba mươi hai ngàn, một trăm bốn mươi bốn) đồng tính đến ngày 25/7/2024, trong đó nợ gốc là 29.944.446 đồng, lãi trong hạn 10.780.000 đồng, lãi quá hạn 24.481.677 đồng, phạt chậm trả lãi: 3.326.764 đồng, phí và các khoản phải trả khác là 2.999.257 đồng.

Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng số GMY.CN.1525.260319 ngày 26/3/2019. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Nguyễn Quốc L3** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.576.607 (Ba triệu, năm trăm bảy mươi sáu ngàn, sáu trăm lẻ bảy) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng TMCP Á phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Á số tiền 1.023.812 (Một triệu, không trăm hai mươi ba ngàn, tám trăm mười hai) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2021/0038644 ngày 05/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đồng thời, ông **Nguyễn Quốc L** lại cho **Ngân hàng TMCA** Á chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng (Đ theo Hóa đơn số 0000017 ngày 28/5/2024 và B theo Hóa đơn số 1707 ngày 28/5/2024) là 5.067.600 (Năm triệu, không trăm sáu mươi bảy ngàn, sáu trăm) đồng.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp được quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- CC THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Quỳnh Như